

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22/01/2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Sương và ông Lê Cao Trí

-Thư ký phiên tòa: Ông Trương Trọng Tín –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên: Ông Huỳnh Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 810/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Văn D, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ H, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Căn cước công dân số: 089084005023.

- Bị đơn: Bà Phan Thanh C, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ H, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Căn cước công dân số: 0891820103694.

Các đương sự trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Văn D trình bày và có ý kiến như sau:***

Về hôn nhân: Giữa ông Trương Văn D và bà Phan Thanh C tự tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới, nhưng do lo việc làm ăn nên đến nay vẫn chưa thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định. Sau thời gian chung sống hạnh phúc với nhau, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự

cải, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Qua thời gian sống ly thân, ông cảm thấy không còn tình cảm với bà Phan Thanh C nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa ông và bà Phan Thanh C là vợ chồng.

Về con chung: Có một con chung chưa thành niên tên Trương Trung T, sinh ngày 17/3/2008. Hiện con chung đang sống với bà C. Khi ly hôn ông đồng ý để bà C được tiếp tục nuôi con chung và ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trương Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Văn D yêu cầu được xét xử vắng mặt trong vụ án này.

** Bị đơn bà Phan Thanh C trình bày và có ý kiến như sau:*

Về hôn nhân: Bà Phan Thanh C thống nhất như lời trình bày của ông Trương Văn D là giữa bà Phan Thanh C và ông Trương Văn D tự tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới, nhưng do lo việc làm ăn nên đến nay vẫn chưa thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định. Sau thời gian chung sống hạnh phúc với nhau, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Qua thời gian sống ly thân, ông Trương Văn D cảm thấy không còn tình cảm với bà nên ông Trương Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa ông Trương Văn D và bà là vợ chồng, bà đồng ý yêu cầu này của ông D.

Về con chung: Có một con chung chưa thành niên tên Trương Trung T, sinh ngày 17/3/2008. Hiện con chung đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà Phan Thanh C và ông Trương Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phan Thanh C đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn D về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung và yêu cầu được xét xử vắng mặt trong vụ án này.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà C chung sống không có đăng ký kết hôn là không tuân theo quy định pháp luật. Nhận thấy, theo hồ sơ vụ án thể hiện các bên thừa nhận thực tế có mâu thuẫn, có thời gian ly thân điều này cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa ông D và bà C có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông D là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Văn D và bà Phan Thanh C. Về con chung: Thời gian chung sống, giữa ông D và bà C có một con chung chưa thành niên tên Trương Trung T, sinh ngày 17/3/2008. Hiện con chung đang sống với bà C, ông D đồng ý giao con chung như trên cho bà C trực tiếp nuôi và ông không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu này là có căn cứ đề nghị chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Đề nghị xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Phú nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống nhưng không đăng ký kết hôn. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn bà Phan Thanh C có nơi cư trú tại tổ H, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt, có mặt của đương sự: Phiên tòa được mở lần thứ nhất nhưng nguyên đơn ông Trương Văn D và bị đơn bà Phan Thanh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 09/10/2023, với nội dung đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông Trương Văn D và bà Phan Thanh C nên Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trương Văn D và bà Phan Thanh C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn

Giữa ông Trương Văn D và bà Phan Thanh C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 đến nay, có tổ chức lễ cưới, nhưng ông, bà vẫn không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa ông Trương Văn D và bà Phan Thanh C đã vi phạm điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến mâu thuẫn trong hôn nhân, mà áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Văn D và bà Phan Thanh C.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Theo giấy khai sinh của cháu Trương Trung T thể hiện cũng như lời trình bày của ông Trương Văn D và bà Phan Thanh C thì giữa ông, bà có con chung chưa thành niên tên Trương Trung T, sinh ngày 17/3/2008, do bà Phan Thanh C đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy, con chung được bà Phan Thanh C giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu được ổn định về tâm sinh lý, chỗ ở, sinh hoạt. Ông Trương Văn D cũng đồng ý cho bà Phan Thanh C được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Trương Trung T, sinh ngày 17/3/2008 nên Hội đồng xét xử chấp nhận để bà Phan Thanh C được nuôi con chung là có cơ sở. Căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao con chung chưa thành niên tên Trương Trung T, sinh ngày 17/3/2008 cho bà Phan Thanh C được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Trương Văn D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Phan Thanh C và các thành viên trong gia đình của bà Phan Thanh C không được cản trở ông Trương Văn D thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Phan Thanh C không có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Theo trình bày của ông Trương Văn D và bà Phan Thanh C về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Trường hợp nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của*

nguyên đơn” do đó ông Trương Văn D là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 và khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Văn D và bà Phan Thanh C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trương Trung T, sinh ngày 17/3/2008 cho bà Phan Thanh C trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Phan Thanh C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trương Văn D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Trương Văn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009210 ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Ông Trương Văn D đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Trương Văn D và bà Phan Thanh C vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi Cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Long;
- UBND xã Bình Chánh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, Vp./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Mai